

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH,
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CÔNG AN TỈNH, BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH, THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ
HÀNH CHÍNH CÔNG, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA ĐƠN VỊ CẤP TỈNH NĂM 2020,
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Công văn số _____ /VP-KSTT ngày _____ / 12 / 2020 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng)

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH, BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CÔNG AN TỈNH, BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH, NĂM 2020																
STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	MẪU PHIẾU SỐ 1						MẪU PHIẾU SỐ 2					Tổng cộng	Phân loại kết quả
				Chấm điểm đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức						Chấm điểm đánh giá đối với cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu						
				Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7	Tổng cộng	Chỉ số 5	Chỉ số 6	Chỉ số 8	Chỉ số 9	Tổng cộng		
[0]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	131	120	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
2	Sở Công Thương	6.305	6.290	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	606	554	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
4	Sở Giao thông vận tải	30.315	29.384	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	16,0	Xuất sắc
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.312	4.203	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
6	Sở Khoa học và Công nghệ	36	30	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.143	1.122	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0	Xuất sắc

8	Sở Nội vụ	1.117	1.097	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.380	4.337	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
10	Sở Tài chính	863	847	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	16,0	Xuất sắc
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	675	605	2,0	2,0	1,9	1,9	2,0	9,8	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	16,8	Xuất sắc
12	Sở Tư pháp	5.444	5.278	1,9	1,9	2,0	2,0	1,9	9,7	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,7	Tốt
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	562	557	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
14	Sở Xây dựng	770	688	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
15	Sở Y tế	1.373	1.213	2,0	2,0	1,9	2,0	2,0	9,9	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	15,9	Xuất sắc
16	Công an tỉnh	27.637	27.323	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0	Xuất sắc
17	Bảo hiểm xã hội	29.102	28.942	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0	Xuất sắc
18	Thanh tra tỉnh	106	106	1,7	1,6	1,5	1,7	1,7	8,2	1,0	1,0	2,0	0,0	4,0	12,2	Tốt
19	Ban Dân tộc	24	24	1,0	1,0	2,0	2,0	1,0	7,0	2,0	2,0	2,0	1,0	7,0	14,0	Tốt
20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	151	147	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9	9,5	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	15,5	Xuất sắc

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN,
UBND CẤP XÃ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ NĂM 2020, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Công văn số /VP-KSTT ngày / 12 /2020 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng)

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ NĂM 2020																
STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	MẪU PHIẾU SỐ 1						MẪU PHIẾU SỐ 2					Tổng cộng	Phân loại kết quả
				Chấm điểm đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức						Chấm điểm đánh giá đối với cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu						
				Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7	Tổng cộng	Chỉ số 5	Chỉ số 6	Chỉ số 8	Chỉ số 9	Tổng cộng		
[0]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
I	UBND huyện Cù Lao Dung	6.976	6.947	1,9	1,9	1,8	1,9	1,9	9,4	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,4	Xuất sắc
1	UBND xã An Thạnh 1	1.853	1.853	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
2	UBND xã An Thạnh 2	4.898	4.898	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
3	UBND xã An Thạnh 3	6.996	6.996	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
4	UBND xã An Thạnh Đông	2.959	2.959	2,0	2,0	1,0	1,0	2,0	8,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,0	Tốt
5	UBND xã An Thạnh Tây	2.237	2.237	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
6	UBND xã An Thạnh Nam	3.289	3.289	1,9	1,9	2,0	2,0	1,9	9,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,7	Xuất sắc
7	UBND xã Đại Ân 1	2.472	2.472	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	3.534	3.534	1,8	2,0	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
II	UBND huyện Châu Thành	5.016	5.015	1,3	1,3	2,0	2,0	1,4	8,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,0	Tốt

1	UBND xã An Hiệp	12.659	12.659	1,1	1,1	2,0	2,0	1,0	7,2	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	13,2	Tốt
2	UBND xã An Ninh	9.294	9.294	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	0,0	2,0	0,0	4,0	14,0	Tốt
3	UBND xã Thiện Mỹ	1.813	1.813	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
4	UBND xã Hồ Đắc Kiên	8.462	8.462	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
5	UBND xã Phú Tân	6.149	6.149	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
6	UBND xã Phú Tâm	1.758	1.758	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
7	UBND xã Thuận Hòa	7.817	7.817	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	9,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,8	Xuất sắc
8	UBND thị trấn Châu Thành	2.560	2.560	1,7	1,7	2,0	2,0	2,0	9,4	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,4	Xuất sắc
III	UBND huyện Kế Sách	6.139	3.485	1,9	1,1	2,0	2,0	1,9	8,9	2,0	2,0	2,0	1,0	7,0	15,9	Xuất sắc
1	UBND xã Kế An	3.536	3.536	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	5,0	2,0	1,0	2,0	0,0	5,0	10,0	Khá
2	UBND xã Nhon Mỹ	3.727	3.727	2,0	2,0	1,0	1,0	2,0	8,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,0	Tốt
3	UBND xã An Lạc Tây	4.293	4.293	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
4	UBND xã An Mỹ	2.774	2.774	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
5	UBND xã Ba Trinh	4.620	4.620	1,9	2,0	1,9	2,0	2,0	9,8	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,8	Tốt
6	UBND xã Xuân Hòa	5.938	5.938	1,8	1,1	2,0	2,0	2,0	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
7	UBND xã Thới An Hội	3.916	3.900	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16	Xuất sắc
8	UBND xã Đại Hải	6.888	6.888	1,9	1,0	2,0	2,0	2,0	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
9	UBND xã Kế Thành	1.505	1.503	2,0	1,0	2,0	2,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15	Xuất sắc
10	UBND xã Trinh Phú	2.868	2.868	1,7	1,7	2,0	2,0	1,7	9,1	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,1	Xuất sắc
11	UBND xã Phong Năm	2.412	2.412	1,9	2,0	1,9	2,0	2,0	9,8	1,0	0,0	2,0	0,0	3,0	12,8	Tốt
12	UBND thị trấn An Lạc Thôn	4.499	4.499	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15	Xuất sắc
13	UBND thị trấn Kế Sách	17.902	17.902	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15	Xuất sắc
IV	UBND huyện Long Phú	7.204	6.428	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	16,0	Xuất sắc

1	UBND xã Tân Hưng	3.476	3.476	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
2	UBND xã Tân Thạnh	7.223	7.223	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
3	UBND xã Song Phụng	1.095	1.095	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
4	UBND xã Châu Khánh	1.832	1.831	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
5	UBND xã Hậu Thạnh	3.551	3.551	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
6	UBND xã Long Phú	7.987	7.987	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
7	UBND xã Phú Hữu	765	765	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
8	UBND xã Long Đức	5.973	5.973	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
9	UBND xã Trường Khánh	7.381	7.381	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
10	UBND thị trấn Đại Ngãi	3.682	3.682	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
11	UBND thị trấn Long Phú	7.334	7.324	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
V	UBND huyện Thạnh Trị	2.301	2.301	1,6	1,6	1,8	1,8	1,9	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
1	UBND xã Thạnh Tân	3.977	3.977	1,7	1,7	2,0	2,0	1,7	9,1	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,1	Xuất sắc
2	UBND xã Châu Hưng	3.689	3.689	1,2	1,2	1,9	1,7	1,2	7,2	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	13,2	Tốt
3	UBND xã Thạnh Trị	1.307	1.307	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
4	UBND xã Vĩnh Lợi	923	923	1,9	1,9	1,9	1,3	1,9	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
5	UBND xã Vĩnh Thành	1.988	1.988	1,6	1,6	2,0	2,0	1,6	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt
6	UBND xã Lâm Kiết	3.838	3.838	1,7	1,7	2,0	2,0	1,7	9,1	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,1	Xuất sắc
7	UBND xã Tuân Tức	6.792	6.792	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
8	UBND xã Lâm Tân	3.036	3.036	1,7	1,7	2,0	2,0	1,7	9,1	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,1	Xuất sắc
9	UBND thị trấn Hưng Lợi	5.445	5.445	1,8	1,8	2,0	2,0	2,0	9,6	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,6	Xuất sắc
10	UBND thị trấn Phú Lộc	23.609	23.609	1,8	1,8	2,0	2,0	1,8	9,4	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,4	Xuất sắc
VI	UBND huyện Trần Đề	8.376	8.376	2,0	2,0	1,5	1,5	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	1,0	7,0	16,0	Xuất sắc

1	UBND xã Lịch Hội Thượng	6.706	6.706	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
2	UBND xã Liêu Tú	12.395	12.395	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
3	UBND xã Trung Bình	12.668	12.668	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
4	UBND xã Thanh Thới Thuận	2.451	2.451	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
5	UBND xã Thanh Thới An	3.317	3.317	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
6	UBND xã Viên An	9.492	9.492	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
7	UBND xã Tài Văn	4.487	4.487	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
8	UBND xã Đại Ân 2	11.095	11.095	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
9	UBND xã Viên Bình	7.440	7.440	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
10	UBND thị trấn Trần Đề	7.716	7.716	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
11	UBND thị trấn Lịch Hội Thượng	8.685	8.685	2,0	2,0	2,0	1,0	2,0	9,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,0	Tốt
VII	UBND huyện Mỹ Xuyên	8.853	8.744	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9	9,5	2,0	2,0	2,0	1,0	7,0	16,5	Xuất sắc
1	UBND xã Tham Đôn	2.343	2.343	1,6	1,5	1,6	1,6	1,6	7,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	13,9	Tốt
2	UBND xã Đại Tâm	3.791	3.791	1,7	1,9	1,8	1,8	1,9	9,1	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,1	Xuất sắc
3	UBND xã Thanh Phú	4.630	4.630	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
4	UBND xã Thanh Quới	5.103	5.103	1,8	1,8	1,8	1,7	1,8	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
5	UBND xã Gia Hòa 1	4.297	4.297	1,7	1,6	1,6	1,7	1,7	8,3	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,3	Tốt
6	UBND xã Gia Hòa 2	3.442	3.442	1,7	1,7	1,7	1,7	1,8	8,6	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,6	Tốt
7	UBND xã Hòa Tú 1	2.392	2.392	1,6	1,8	1,8	1,8	1,8	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt
8	UBND xã Hòa Tú 2	4.544	4.544	1,7	1,7	1,7	1,6	1,6	8,3	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,3	Tốt
9	UBND xã Ngọc Đông	3.936	3.936	1,7	1,8	1,7	1,7	1,8	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
10	UBND xã Ngọc Tố	2.348	2.348	1,7	1,8	1,6	1,6	1,7	8,4	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,4	Tốt
11	UBND thị trấn Mỹ Xuyên	2.885	2.885	1,9	1,8	1,8	1,8	1,7	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc

VIII	UBND thị xã Ngã Năm	6.725	6.672	1,9	1,9	1,8	1,9	1,9	9,4	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,4	Xuất sắc
1	UBND Phường 1	11.378	11.378	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
2	UBND Phường 2	7.154	7.154	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
3	UBND Phường 3	6.249	6.249	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	1,0	0,0	5,0	15,0	Xuất sắc
4	UBND xã Mỹ Quới	7.988	7.988	2,0	2,0	1,7	2,0	2,0	9,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,7	Xuất sắc
5	UBND xã Mỹ Bình	5.372	5.369	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0	Xuất sắc
6	UBND xã Tân Long	4.674	4.674	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	1,0	0,0	5,0	15,0	Xuất sắc
7	UBND xã Long Bình	2.931	2.927	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	1,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
8	UBND xã Vĩnh Quới	4.721	4.721	2,0	1,0	2,0	2,0	1,6	8,6	2,0	1,0	2,0	0,0	5,0	13,6	Tốt
IX	UBND huyện Mỹ Tú	6.421	6.168	1,6	2,0	2,0	2,0	2,0	9,6	2,0	2,0	2,0	1,0	7,0	16,6	Xuất sắc
1	UBND xã Mỹ Tú	3.710	3.710	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
2	UBND xã Long Hưng	3.878	3.878	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
3	UBND xã Mỹ Phước	4.339	4.339	2,0	2,0	1,0	2,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
4	UBND xã Mỹ Hương	4.735	4.735	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
5	UBND xã Phú Mỹ	5.651	5.651	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
6	UBND xã Thuận Hưng	7.992	7.992	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
7	UBND xã Mỹ Thuận	5.992	5.992	1,0	2,0	2,0	2,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
8	UBND xã Hưng Phú	2.343	2.343	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	16,0	Xuất sắc
9	UBND thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	4.408	4.408	1,0	2,0	2,0	2,0	2,0	9,0	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	15,0	Xuất sắc
X	UBND thị xã Vĩnh Châu	5.451	5.451	1,9	1,9	2,0	2,0	1,9	9,7	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	15,7	Xuất sắc
1	UBND Phường 1	17.621	17.621	1,7	1,7	1,8	1,8	1,7	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
2	UBND Phường 2	6.754	6.736	1,7	1,7	1,9	1,1	1,7	8,1	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,1	Tốt

3	UBND Phường Vĩnh Phước	16.727	16.727	1,7	1,7	1,9	1,8	1,7	8,8	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,8	Tốt
4	UBND Phường Khánh Hòa	3.708	3.708	1,7	1,7	1,8	1,8	1,7	8,7	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,7	Tốt
5	UBND xã Lai Hòa	16.046	16.035	1,6	1,7	1,6	1,8	1,7	8,4	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,4	Tốt
6	UBND xã Vĩnh Tân	7.627	7.627	1,6	1,7	1,8	1,8	1,7	8,6	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,6	Tốt
7	UBND xã Vĩnh Hiệp	2.807	2.799	1,5	1,7	1,8	1,8	1,7	8,5	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,5	Tốt
8	UBND xã Vĩnh Hải	3.147	3.144	1,6	1,7	1,6	1,8	1,7	8,4	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,4	Tốt
9	UBND xã Hòa Đông	6.796	6.796	1,7	1,7	1,9	1,8	1,7	8,8	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,8	Tốt
10	UBND xã Lạc Hòa	7.474	7.474	1,5	1,7	1,8	1,8	1,7	8,5	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,5	Tốt
XI	UBND thành phố Sóc Trăng	5.681	5.681	1,7	1,7	1,7	1,7	1,9	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
1	UBND Phường 1	321	321	1,7	1,8	1,7	1,7	2,0	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
2	UBND Phường 2	4.480	4.480	1,7	1,6	1,7	1,8	2,0	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt
3	UBND Phường 3	12.124	12.124	1,8	1,7	1,7	1,7	2,0	8,9	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,9	Tốt
4	UBND Phường 4	5.595	5.595	1,6	1,6	1,8	1,7	2,0	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
5	UBND Phường 5	5.450	5.450	1,7	1,6	1,7	1,8	2,0	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt
6	UBND Phường 6	4.149	4.149	1,6	1,8	1,6	1,7	2,0	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
7	UBND Phường 7	2.623	2.623	1,8	1,6	1,7	1,6	2,0	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
8	UBND Phường 8	2.672	2.672	1,6	1,7	1,8	1,7	2,0	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt
9	UBND Phường 9	427	427	1,6	1,6	1,8	1,7	2,0	8,7	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,7	Tốt
10	UBND Phường 10	1.557	1.577	1,7	1,6	1,7	1,8	2,0	8,8	2,0	2,0	2,0	0,0	6,0	14,8	Tốt